

Bản án số: 92/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 01- 12 - 2023
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NA HANG, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Anh Thành.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Châu Văn Khỏe.
- Ông Nguyễn Đức Nhâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Khổng Thị Thụy– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vương - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 12 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 81/2023/TLST-HNGĐ, ngày 30/10/2023 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/11/2023, giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Nông Thị T**, sinh năm 2003.

Địa chỉ: Thôn B Ấ, xã Đ V, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang;

- Bị đơn: Anh **Hoàng Cao V**, sinh năm 1998.

Địa chỉ: Thôn B Th, xã Y H, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang.

Cùng có đơn xin xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện chị Nông Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và Anh Hoàng Cao V quen biết, tự do tìm hiểu, tự nguyện đi đến hôn nhân từ năm 2020. Đến năm 2021 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y H, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do tính cách không hợp nhau, bất đồng về quan điểm, vợ chồng thường xuyên cãi vã dẫn đến không thể nói chuyện với nhau, đời sống vợ chồng không còn tình cảm, cuộc sống hôn nhân ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vinh.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Hoàng Kim D, sinh ngày 19 tháng 11 năm 2020. Ly hôn chị đề nghị để anh V là người trực tiếp nuôi cháu Dung, chị sẽ tự cấp dưỡng theo khả năng (Đề nghị Tòa án không ghi vào trong quyết định ly hôn).

Về tài sản chung: Anh chị không có.

Về nợ chung: Anh chị không có.

Chị đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Anh Hoàng Cao V nhận được thông báo thụ lý của Tòa án nhưng không gửi ý kiến trình bày bằng văn bản cho Tòa án mà chỉ gửi đơn xin xét xử vắng mặt.

Tòa án tiến hành xác minh với Trưởng thôn B Th, xã Y H – Ông Hoàng Văn Thuận cho biết: Anh Hoàng Cao V và chị Nông Thị T là vợ chồng có đăng ký kết hôn năm 2021 tại UBND xã Y H. Sau khi kết hôn chị T về ở cùng anh V và bố mẹ anh V tại thôn B Th, xã Y H. Thời gian đầu anh chị cùng chung sống, làm ăn tại địa phương thì cuộc sống hạnh phúc – không xảy ra mâu thuẫn gì. Sau một thời gian thì anh chị cùng đi làm ăn xa rồi đến nghỉ Tết không thấy chị T về ở cùng anh Vinh. Ông không biết nguyên nhân vì sao. Anh Vinh, chị T có 01 con chung, hiện nay khoảng 04 tuổi, cháu đang đi học Mầm non và đang ở cùng bố, ông và bà nội tại Thôn B Th, xã Y H. Về tài sản chung, vay nợ chung anh Vinh, chị T có như thế nào ông không rõ.

Tòa án tiến hành xác minh với bố Anh Hoàng Cao V – Ông Hoàng Văn Ân cho biết: Anh Hoàng Cao V và chị Nông Thị T mâu thuẫn, chị T đã bỏ nhà đi không về ở với anh V và con. Hiện nay con của anh V và chị T ở cùng anh V và ông bà Nội. Anh V đi làm công ty để có thu nhập ổn định nuôi con, khoảng 2, 3 tuần anh V về 2, 3 ngày thăm, chăm sóc con và mang tiền về để nuôi con. Trường hợp Tòa án giao con cho anh V nuôi thì ông nhận trách nhiệm hỗ trợ anh V chăm sóc cháu.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng quy định của Điều 28, 48 Bộ luật Tố tụng Dân sự (BLTTDS), xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách của người tham gia tố tụng; tiến hành tổng đạt các văn bản cho đương sự, gửi cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định. Nguyên đơn chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Điều 70, 71 BLTTDS. Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Điều 70, 72 BLTTDS. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục được quy định tại chương XIV của BLTTDS.

Về hướng giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Căn cứ khoản 1 Điều 28 của BLTTDS; căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nông Thị T. Tuyên xử cho chị Nông Thị T được ly hôn anh Hoàng Cao V.

Về con chung: Căn cứ Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình, giao cho Anh Hoàng Cao V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Hoàng Kim D, sinh ngày 19 tháng 11 năm 2020. Chị T không phải cấp dưỡng

nuôi con chung cùng anh V và có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung sau ly hôn.

Về tài sản và nợ chung: Chị T, anh V xác định không có tài sản chung và nợ chung.

Về án phí và quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 147, 271, 273 của BLTTDS và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị Nông Thị T là người dân tộc thiểu số, cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, chị T có đơn xin miễn án phí, nên chị T được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn. Tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Chị Nông Thị T đã nộp các tài liệu: Bản chính giấy chứng nhận kết hôn; Bản sao căn cước công dân chị T; Bản sao giấy khai sinh của con; Bản chính giấy xác nhận thông tin cư trú chị T, anh Vinh.

Tòa án xác minh với Trưởng thôn B Th, xã Y H.

Chị Nông Thị T và Anh Hoàng Cao V không thống nhất được với nhau về việc ly hôn và các vấn đề khác do anh V không đến Tòa án để hòa giải.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang nhận định:

[1] Anh Hoàng Cao V cư trú tại thôn B Th, xã Y H, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang. Chị Nông Thị T khởi kiện ly hôn và tranh chấp về nuôi con. Vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang theo quy định của các Điều 28, 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện Na Hang đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh V không đến Tòa án theo thời gian của thông báo nên không hòa giải được.

Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Chị T, anh V có đơn xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 207, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án xét xử vụ án.

[3] Chị Nông Thị T và Anh Hoàng Cao V kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y H, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang là hôn nhân hợp pháp. Thông qua lời khai của đương sự; kết quả xác minh với Trưởng thôn, người thân anh Vinh, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Nông Thị T và Anh Hoàng Cao V đã trầm trọng, cuộc sống chung đã không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình xử cho chị Nông Thị T được ly hôn anh Hoàng Cao V.

[4] Quá trình chung sống chị Nông Thị T và Anh Hoàng Cao V có 01 con chung là cháu Hoàng Kim D, sinh ngày 19/11/2020. Chị T có nguyện vọng để bố là người trực tiếp nuôi con. Xét thấy con chung đang ở cùng anh V và ông bà nội nên giao cho anh V nuôi theo nguyện vọng của chị T phù hợp. Nên căn cứ các Điều 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình giao cháu Hoàng Kim D cho anh V trực tiếp nuôi

dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung; có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung sau ly hôn.

[5] Chị Nông Thị T trình bày vợ chồng anh chị không có tài sản chung và vay nợ chung nên Hội đồng xét xử không phải xem xét giải quyết.

[6] Chị Nông Thị T là người dân tộc thiểu số, cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, chị T có đơn xin miễn án phí. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/1016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn toàn bộ án phí cho chị Nông Thị T.

[7] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 147, 207, 228, 235, 238, 266, 271, và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Các Điều 56, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con của chị Nông Thị T.

1. Về hôn nhân: Cho chị Nông Thị T được ly hôn anh Hoàng Cao V.

2. Về con chung: Giao cháu Hoàng Kim D, sinh ngày 19/11/2020 cho Anh Hoàng Cao V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị Nông Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nông Thị T được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./

Nơi nhận:

- VKSND huyện Na Hang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- UBND xã Y H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Anh Thành